

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Đức, ngày tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH UBND XÃ HOÀNG ĐỨC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao chỉ tiêu kế hoạch áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2019 – 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND xã Hoàng Đức về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015;*

*Thực hiện Hướng dẫn số 01/HD-SKHHCN ngày 02/01/2020 của Sở khoa học và công nghệ về thực hiện duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (9001:2015) tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị của công chức Văn phòng – Thống kê xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đức phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Ban chỉ đạo ISO xã, Công chức Văn phòng –TK UBND xã, CBCC UBND xã, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện;
- T.Tr Đảng ủy, HĐND xã ;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, BCĐ.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Bằng**

**PHỤ LỤC**  
**Các lĩnh vực hoạt động của UBND xã Hoàng Đức**  
**được công bố lại phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND xã ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch xã UBND xã Hoàng Đức)*

**DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ HIỆN HÀNH XÃ HOÀNG ĐỨC**  
**NĂM 2020**

STT	Tên tài liệu	Mã số	Quyết định công bố TTHC	Ghi chú
1.	Sổ tay chất lượng	ST.01		CC Văn phòng
2.	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT.01		CC Văn phòng
3.	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT.02		CC Văn phòng
4.	Quy trình xem xét hệ thống quản lý chất lượng	QT.03		CC Văn phòng
5.	Quy trình kiểm soát kết quả công việc không phù hợp	QT.04		CC Văn phòng
6.	Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ	QT.05		CC Văn phòng
7.	Quy trình Hành động khắc phục – phòng ngừa	QT.06		CC Văn phòng
8.	Quy trình Thống kê, phân tích, cải tiến	QT.07		CC Văn phòng
9.	QT Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	QT.08		CC Tư pháp
10.	Quy trình Quản lý văn bản đi và đến	QT.9		CC Văn phòng
11.	QT Quản lý thiết bị văn phòng	QT.10		CC Văn phòng
12.	Mua sắm, quản lý tài sản	QT.11		
	<b>1.Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở</b>			
13.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT.01.VHCS	QĐ số 1360/QĐ-UBND ngày 20/4 /2020 của CTUBND tỉnh	Chuẩn hóa
14.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QT.02.VHCS	QĐ số 1360/QĐ-UBND ngày 20/4 /2020 của CTUBND tỉnh	Chuẩn hóa

15.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.03.VHCS	QĐ số 1360/QĐ-UBND ngày 20/4 /2020 của CTUBND tỉnh	Chuẩn hóa
	<b>2.Lĩnh vực: Thể dục thể thao</b>			
16.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.01.TDĐT	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của CTUBND tỉnh	Chuẩn hóa
	<b>3.Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo</b>			
17.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.01.GDĐT	QĐ số 1001/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của CT UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung lần 1
18.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.02.GDĐT	QĐ số 1001/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của CT UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung lần 1
19.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT.03.GDĐT	QĐ số 1001/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của CT UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung lần 1
20.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.04.GDĐT	QĐ số 1001/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của CT UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung lần 1
21.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	QT.05.GDĐT	QĐ số 3353/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của CT UBND tỉnh	
	<b>4.Lĩnh vực: Tôn giáo, tín ngưỡng</b>			
22.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.01.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
23.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.02.TGTN	QĐ số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh	
24.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.03.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
25.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn	QT.04.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của	

	giáo ở một xã		UBND tỉnh Thanh Hóa	
26.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.05.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
27.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.06.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
28.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.07.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
29.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.08.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
30.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.09.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
31.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.10.TGTN	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
	<b>5.Lĩnh vực: Thư viện</b>			
32.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản.	QT.01.TV	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chuẩn hóa
	<b>6.Lĩnh vực: Thi đua, Khen thưởng</b>			
33.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.01.TĐKT	Quyết định số 3587 ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
34.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề.	QT.02.TĐKT	Quyết định số 3587 ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
35.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất.	QT.03.TĐKT	Quyết định số 3587 ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
36.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình.	QT.04.TĐKT	Quyết định số 3587 ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
37.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	QT.05.TĐKT	Quyết định số 3587 ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
38.	Công nhận “Tổ dân phố kiểu	QT.06.TĐKT	Quyết định số 5012 ngày 26/11/2019 của Chủ tịch	

	mẫu”		UBND tỉnh TH	
39.	Thủ tục công nhận Danh hiệu Gia đình kiểu mẫu.	QT.07.TĐKT	Quyết định số 5012 ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
40.	Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa	QT.08.TĐKT	Quyết định số 5012 ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	
41.	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã	QT.09.TĐKT	Q Đ 1407/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh TH	Đặc thù
	<b>7.Lĩnh vực: Khen thưởng của Bộ Quốc phòng</b>			
42.	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT.01.KTQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
43.	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT.02.KTQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
	<b>8.Lĩnh vực: Trồng trọt</b>			
44.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.01.TT	QĐ số 927/QĐ-UBND ngày 17/3/2020. của CTUBND tỉnh TH	Công bố mới
	<b>9.Lĩnh vực: Thủy lợi</b>			
45.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.01.TL	Quyết định số 4468/QĐ-UBND ngày 09/11/2018. của CTUBND tỉnh TH	
46.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã	QT.02.TL	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của CTUBND tỉnh Thanh Hóa	

47.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã	QT.03.TL	QĐ 106/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của CTUBND tỉnh	
	<b>10.Lĩnh vực: Tài nguyên nước</b>			
48.	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất.	QT.01.TTNN	Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của CTUBND tỉnh TH.	
	<b>11.Lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>			
49.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.01.NNPTNT	QĐ số 1258/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của CTUBND tỉnh	
	<b>12.Lĩnh vực: Đường thủy nội địa</b>			
50.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.01.ĐTND	QĐ 3018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của CTUBND tỉnh	
	<b>13.Lĩnh vực: Phòng chống thiên tai</b>			
51.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT.01.PCTT	QĐ 4368/QĐ-UBND ngày 25 /10/ 2019 của CTUBND tỉnh	
52.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT.02.PCTT	QĐ 4368/QĐ-UBND ngày 25 /10/ 2019 của CTUBND tỉnh	
53.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT.03.PCTT	QĐ 4368/QĐ-UBND ngày 25 /10/ 2019 của CTUBND tỉnh	
	<b>14.Lĩnh vực: Đất đai</b>			
54.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã.	QT.01.ĐĐ	Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của CTUBND tỉnh TH.	
55.	Cung cấp dữ liệu đất đai (cấp xã)	QT.02.ĐĐ	Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của CTUBND tỉnh TH.	
	<b>15.Lĩnh vực: Người có công</b>			
56.	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ;	QT.01.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017	

	đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ.		của Chủ tịch UBND tỉnh	
57.	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân người có công	QT.02.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
58.	Thủ tục hưởng mai táng, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.03.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
59.	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần.	QT.04.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
60.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	QT.05.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
61.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng LLVTND, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	QT.06.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
62.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	QT.07.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
63.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT.08.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
64.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT.09.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
65.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	QT.10.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
66.	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	QT.11.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
67.	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách	QT.12.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017	



	mạng.		của Chủ tịch UBND tỉnh	
68.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	QT.13.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
69.	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	QT.14.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
70.	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	QT.15.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
71.	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.16.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
72.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	QT.17.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
73.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	QT.18.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
74.	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	QT.19.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
75.	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.	QT.20.NCC	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	
76.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen	QT.21.NCC	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 20/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	

	của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
77.	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	QT.22.NCC	Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
78.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm pu chia	QT.23.NCC	Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Sửa đổi lần 1
79.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT.24.NCC	Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Công bố mới
80.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT.25.NCC	Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Công bố mới
	<b>16.Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>			
81.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.	QT.01.BTXH	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
82.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.02.BTXH	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
83.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.03.BTXH	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
84.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.04.BTXH	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
85.	Hỗ trợ chi phí, khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng	QT.05.BTXH	Quyết định số 3581/QĐ-	

	trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đối với các đối tượng mà thân nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý).		UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
86.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	QT.06.BTXH	QĐ số 3583/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh	
87.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	QT.07.BTXH	QĐ số 3583/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh	
88.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	QT.08.BTXH	QĐ số 3583/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh	
89.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.09.BTXH	Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
90.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.10.BTXH	Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
91.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.11.BTXH	Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
92.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.12.BTXH	Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
93.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.13.BTXH	QĐ 2236/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của CTUBND tỉnh TH	
94.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.14.BTXH	QĐ 2236/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của CTUBND tỉnh TH	
95.	Thủ tục Xác nhận hộ gia đình	QT.15.BTXH	QĐ 4896/QĐ-UBND ngày	

	làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế		19/11/2019 của CTUBND tỉnh TH	
	<b>17.Lĩnh vực giảm nghèo</b>			
96.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.01.GN	QĐ số 3583/QĐ-UBND 21/9/2018 của UBND tỉnh	
97.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT.02.GN	QĐ số 3583/QĐ-UBND 21/9/2018 của UBND tỉnh TH	
	<b>18.Lĩnh vực việc làm</b>			
98.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19.	QT.01.VL	QĐ 1944 /QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh TH	Công bố mới
99.	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.	QT.02.VL	QĐ 1944 /QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh TH	Công bố mới
100.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19.	QT.02.VL	QĐ 1944 /QĐ-UBND ngày 29/5/2020	Công bố mới
	<b>19.Lĩnh vực bảo hiểm (nông nghiệp)</b>			
101.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QL.01.BH	QĐ 4916/QĐ-UBND ngày 20 /11/ 2019 của CTUBND tỉnh	
	<b>20.Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội</b>			
102.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT.01.PCTNXH	Quyết định 3863/QĐ-UBND ngày 6/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh T.Hóa	
103.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT.02.PCTNXH	Quyết định 3863/QĐ-UBND ngày 6/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh T.Hóa	

104.	Hỗ trợ văn hóa, học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho bạn nhân	QT.03.PCTNXH	Quyết định 3863/QĐ-UBND ngày 6/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh T.Hóa	
	<b>21. Lĩnh vực: Dân số -KHHGĐ</b>			
105.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT.01.DS-KHHGĐ	QĐ 1007 ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh	
	<b>22.Lĩnh vực trẻ em</b>			
106.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	QT.01.TE	Quyết định 3479/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh TH	
107.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	QT.02.TE	Quyết định 3479/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh TH	
108.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	QT.03.TE	Quyết định 3479/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh TH	
109.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình người chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	QT.04.TE	Quyết định 3479/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh TH	
110.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em.	QT.05.TE	Quyết định 3479/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh TH	
	<b>23.Lĩnh vực: Chính sách (Quốc phòng)</b>			
111.	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy	QT.01.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	

	quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ.			
112.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QT.02.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
113.	Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	QT.03.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
114.	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điểm K Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ	QT.04.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
115.	Thủ tục cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ	QT.05.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
116.	Thủ tục xác nhận đối với người bị thương đã chuyển ra ngoài quân đội chưa được giám định thương tật	QT.06.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
117.	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước	QT.07.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
118.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân,	QT.08.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND	

	người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày Nt 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)		tỉnh	
119.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT.09.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
120.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phụcviên, xuất ngũ, thôi việc	QT.10.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
121.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng	QT.11.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	

	thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng)			
122.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã tử trận) do Bộ Quyết định giải quyết	QT.12.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
123.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh)	QT.13.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
124.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã tử trận) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	QT.14.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	



125.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	QT.15.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
126.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã tử trận)	QT.16.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
127.	Thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	QT.17.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
128.	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	QT.18.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
129.	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	QT.19.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
130.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung	QT.20.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND	

	ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ		tỉnh	
131.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	QT.21.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
132.	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	QT.22.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
133.	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	QT.23.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
134.	Thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	QT.24.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
135.	Thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lươngThông tin	QT.25.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh	
136.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công	QT.26.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND	

	nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ) Thông tin		tỉnh	
137.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	QT.27.CSQP	QĐ 1382/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của CTUBND tỉnh TH	
	<b>24.Lĩnh vực: Hộ tịch</b>			
138.	Đăng ký khai sinh	QT.01.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
139.	Đăng ký kết hôn	QT.02.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
140.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.03.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
141.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.04.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
142.	Đăng ký khai tử	QT.05.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
143.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.06.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
144.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.07.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
145.	Đăng ký khai tử lưu động	QT.08.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1

146.	Đăng ký giám hộ	QT.09.HT	nt QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	Sửa đổi, bổ sung lần 1
147.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.10.HT	nt QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
148.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT.11.HT	nt QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
149.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.12.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	Sửa đổi, bổ sung lần 1
150.	Đăng ký lại khai sinh	QT.13.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	Sửa đổi, bổ sung lần 1
151.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.14.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	Sửa đổi, bổ sung lần 1
152.	Đăng ký lại kết hôn	QT.15.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
153.	Đăng ký lại khai tử	QT.16.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
154.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT.17.HT	QĐ số 4362/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi, bổ sung lần 1
155.	Quy trình liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	QT.18.HT	QĐ 447/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của CT UBND tỉnh	
156.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.19.HT	QĐ 866/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của CT UBND tỉnh	

157.	Liên thông các thủ tục hàng chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.20.HT	QĐ 866/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của CT UBND tỉnh	
	<b>25.Lĩnh vực: Nuôi con nuôi</b>			
158.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.01.NCN	QĐsố 1880/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh	
159.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.02.NCN	QĐsố 2628/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh	
	<b>26.Lĩnh vực: Chứng thực</b>			
160.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.01.CT	Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của CTUBND tỉnh TH	
161.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	QT.02.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
162.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.03.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
163.	Chứng thực sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	QT.04.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
164.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.05.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
165.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực	QT.06.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
166.	Chứng thực di chúc.	QT.07.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
167.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.	QT.08.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
168.	Chứng thực văn bản thỏa thuận	QT.09.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày	Sửa đổi

	phân chia di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.		23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	lần 1
169.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.	QT.10.CT	QĐ 2374/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của CTUBND tỉnh TH	Sửa đổi lần 1
	<b>27.Lĩnh vực: Giáo dục pháp luật</b>			
170.	Thủ tục Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.01.GDPL	QĐ 924/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh	
171.	Thủ tục Cho thôi tuyên truyền viên pháp luật.	QT.02.GDPL	QĐ 924/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh	
	<b>28.Lĩnh vực: Hòa giải cơ sở</b>			
172.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.01.HGCS	QĐ số 3858/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 của UBND tỉnh TH	
173.	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QT.02.HGCS	QĐ số 3858/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 của UBND tỉnh TH	
174.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải viên	QT.03.HGCS	QĐ số 3858/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 của UBND tỉnh TH	
175.	Thủ tục thôi hòa giải viên	QT.04.HGCS	QĐ số 3858/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 của UBND tỉnh TH	
176.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.05.HGCS	QĐ số 3858/QĐ-UBND ngày 8/10/2018 của UBND tỉnh TH	
	<b>29.Lĩnh vực: Bồi thường Nhà nước</b>			
177.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.01.BTNN	QĐ số 3148 /QĐ-UBND ngày 21/08/2018 của UBND tỉnh	
	<b>30.Lĩnh vực đăng ký quản lý cư trú</b>			
178.	Thủ tục Đăng ký thường trú	QT.01.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công	

			An	
179.	Tách sổ hộ khẩu	QT.02.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
180.	Cấp đổi sổ hộ khẩu	QT.03.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
181.	Cấp lại sổ hộ khẩu	QT.04.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
182.	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu	QT.05.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
183.	Xoá đăng ký thường trú	QT.06.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
184.	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	QT.07.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
185.	Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú	QT.08.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
186.	Đăng ký tạm trú	QT.09.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
187.	Cấp đổi sổ tạm trú	QT.10.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
188.	Cấp lại sổ tạm trú	QT.11.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	

189.	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú	QT.12.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
190.	Khai báo tạm vắng	QT.13.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
191.	Hủy bỏ đăng ký tạm trú trái pháp luật	QT.14.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
192.	Hủy bỏ đăng ký thường trú trái pháp luật	QT.15.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
193.	Lưu trú và tiếp nhận lưu trú	QT.16.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
194.	Gia hạn tạm trú	QT.17.ĐKQLCT	Thực hiện theo Thông tư 35/2014/TTBCA ngày 09/4/2014 của Bộ Công An	
	<b>31.Lĩnh vực: Cấp Căn cước công dân</b>			
195.	Xác nhận đơn cấp Giấy Căn cước công dân	QT.01.CCCD	Thực hiện theo Luật CCCD ngày 20/11/2014;	
	<b>32.Lĩnh vực giải quyết khiếu nại</b>			
196.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.01.KN	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
	<b>33.Lĩnh vực giải quyết tố cáo</b>			
197.	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	QT.01.TC	Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	



	<b>34.Lĩnh vực: Tiếp công dân</b>			
198.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.01.TCD	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
	<b>35.Lĩnh vực: Xử lý đơn</b>			
199.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.OQ.XLD	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
	<b>36.Lĩnh vực: Phòng chống tham nhũng</b>			
200.	Kê khai tài sản, thu nhập	QT.01.PCTN	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
201.	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	QT.02.PCTN	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
202.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.03.PCTN	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
203.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.04.PCTN	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
204.	Xác minh tài sản thu nhập	QT.05.PCTN	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	
	<b>37.Lĩnh vực : Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác</b>			
205.	Thông báo thành lập tổ hợp tác	QT.01.TLH ĐHTT	QĐ 5291/QĐ-UBND ngày 13 /12/ 2019 của CTUBND tỉnh	
206.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	QT.02.TLH ĐHTT	QĐ 5291/QĐ-UBND ngày 13 /12/ 2019 của CTUBND tỉnh	
207.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.03.TLH ĐHTT	QĐ 5291/QĐ-UBND ngày 13 /12/ 2019 của CTUBND tỉnh	
	<b>38.Lĩnh vực: Khoa học và công nghệ liên quan tới tiếp cận nguồn ren</b>			
208.	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn ren và chia sẻ lợi ích	QT.01.KHCN	QD 3956 ngày 18/9/2020	Công bố mới

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG ĐỨC**

**Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Hoàng Đức phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động  
thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính trên  
địa bàn xã**

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 29  
/10/2020 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Đức)

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.**

*Hoàng Đức, ngày 29 tháng 10 năm 2020*  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Bằng**